

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư công
ở Đại học Quốc gia Hà Nội**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Công nghệ Thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017);

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3888/QĐ-ĐHQGHN ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng, các ban chức năng của ĐHQGHN;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư công ở ĐHQGHN.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 4633/HD-ĐHQGHN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN về xây dựng và thực hiện dự án đầu tư ở ĐHQGHN; Công văn số 1339/ĐHQGHN-TCCB ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc ĐHQGHN về hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai thực hiện dự án đầu tư ở ĐHQGHN và các quy định, hướng dẫn khác trước đây có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ, trưởng ban chức năng, người đứng đầu đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Các PGĐ ĐHQGHN (để phối hợp c/đ);
- Văn phòng và các ban chức năng (để t/h);
- Khối Văn phòng Đảng - đoàn thể (để t/h);
- Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc (để t/h);
- Lưu: VT, TCCB, ĐH15.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hiệu

HƯỚNG DẪN

Xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư công ở Đại học Quốc gia Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1.1. Hướng dẫn này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

1.1.2. Các dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo Hướng dẫn này.

1.1.3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), dự án sử dụng vốn hợp tác phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của ĐHQGHN thì áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật và ĐHQGHN.

1.2. Giải thích từ ngữ

Trong Hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.2.1. *Dự án đầu tư công* là dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.

1.2.2. *Vốn đầu tư công* là vốn được quy định tại khoản 22, Điều 4 Luật Đầu tư công, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển và sử dụng kinh phí chi thường xuyên; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

1.2.3. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, dự án đầu tư công.

1.2.4. *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

1.2.5. *Báo cáo nghiên cứu khả thi* là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi, hiệu quả, nguồn vốn và mức vốn của dự án đầu tư công làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

1.2.6. *Người quyết định đầu tư* là Giám đốc ĐHQGHN hoặc người được Giám đốc ĐHQGHN phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

1.2.7. *Đơn vị chuẩn bị đầu tư hoặc đơn vị chuẩn bị dự án (gọi chung là đơn vị chuẩn bị đầu tư)* là đơn vị được Giám đốc ĐHQGHN giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc chuẩn bị dự án.

1.2.8. *Đơn vị chủ đầu tư (hoặc đơn vị chủ dự án)* là đơn vị được Giám đốc ĐHQGHN giao làm chủ đầu tư hoặc làm chủ dự án theo quy định của pháp luật.

1.2.9. *Đại diện chủ đầu tư* là đơn vị được Giám đốc ĐHQGHN giao làm đại diện chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

1.2.10. *Đơn vị quản lý sử dụng* là đơn vị được Giám đốc ĐHQGHN giao quản lý vận hành công trình, hạng mục công trình, dự án, lập hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất (CSVN) theo quy định của Nhà nước và ĐHQGHN.

1.2.11. *Đơn vị thụ hưởng* là đối tượng nghiên cứu, đề xuất nhu cầu đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình triển khai dự án; tổ chức tiếp nhận và quản lý, sử dụng sau khi dự án hoàn thành đồng bộ.

1.2.12. *Phân loại dự án tại ĐHQGHN:*

a) *Dự án đầu tư xây dựng* là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để tiến hành hoạt động xây dựng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình xây dựng nhằm phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn và chi phí xác định. Ở giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng, dự án được thể hiện thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) *Dự án đầu tư mua sắm thiết bị* là dự án gồm một tập hợp các hoạt động có liên quan đến việc bỏ vốn để mua sắm trang thiết bị mới nhằm mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hiện có của đơn vị, bảo đảm phục vụ hoạt động chung và công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH).

c) *Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)* là dự án gồm một tập hợp các hoạt động có liên quan đến việc nghiên cứu, bỏ vốn để mua sắm, thuê dịch vụ CNTT, thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả vận hành trong một thời hạn nhất định. Ở giai đoạn chuẩn bị, dự án ứng dụng CNTT được thể hiện thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

d) *Dự án đầu tư hỗn hợp* là dự án bao gồm từ hai cấu phần (xây dựng, mua sắm thiết bị, CNTT) trở lên.

1.3. Nguyên tắc trong xây dựng và thực hiện dự án

1.3.1. Mục đích, sản phẩm và nội dung của dự án phải xuất phát từ: (i) Nhu cầu thực tiễn của công tác đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ cán bộ, hiện đại hoá CSVC của đơn vị; (ii) Kế hoạch dài hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm của ĐHQGHN và của các đơn vị; (iii) Chiến lược phát triển, nhiệm vụ trọng tâm hằng năm của ĐHQGHN.

1.3.2. Dự án ở ĐHQGHN tiếp cận theo sản phẩm đầu ra nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo đảm tính bền vững, khả năng duy tu bảo dưỡng, bảo đảm nguồn nhân lực và tài chính nhằm phát triển và duy trì kết quả, hoạt động của dự án sau giai đoạn đầu tư, phục vụ tốt công tác đào tạo, NCKH, mở rộng và thu hút thêm các nguồn lực trong và ngoài nước.

1.3.3. Thể hiện tính liên ngành, liên lĩnh vực, liên thông, liên kết, hợp tác, khả năng dùng chung nguồn nhân lực và trang thiết bị, CSVC trong ĐHQGHN.

1.3.4. Có đánh giá hiện trạng trang thiết bị, CSVC, nguồn nhân lực của đơn vị mình và các đơn vị khác ở trong và ngoài ĐHQGHN liên quan đến dự án mới; có luận chứng kinh tế - kỹ thuật chi tiết đầy đủ; có phương án thiết kế, công nghệ phù hợp và thể hiện tính sáng tạo, mới của dự án; có phương án hạn chế mức độ rủi ro của dự án.

1.3.5. Bảo đảm các nguồn lực để quản lý, sử dụng và khai thác trang thiết bị, CSVC an toàn, phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

1.3.6. Cam kết về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng trong đầu tư, mua sắm, lập và triển khai kế hoạch, phương án mua sắm, đấu thầu dự án.

1.3.7. Có hình thức tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát hợp lý, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và ĐHQGHN.

Phần II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ ĐẦU MỐI TRIỂN KHAI DỰ ÁN

2.1. Quản lý dự án đầu tư công

2.1.1. ĐHQGHN là cơ quan chủ quản và thống nhất quản lý tất cả dự án đầu tư công của ĐHQGHN.

2.1.2. Văn phòng ĐHQGHN (Văn phòng), Ban Kế hoạch - Tài chính (KH-TC), Ban Khoa học - Công nghệ (KH-CN), Ban Xây dựng là các đơn vị chuyên môn được giao chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc ĐHQGHN thẩm định, phê duyệt và quản lý các dự án đầu tư công trong lĩnh vực phụ trách (đầu mối tổ chức thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư và dự án đầu tư công) của ĐHQGHN.

2.2. Chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư

2.2.1. Để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong việc tổ chức triển khai thực hiện dự án, Giám đốc ĐHQGHN xem xét giao chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư

cho các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho ĐHQGHN, nguồn vốn hợp pháp của ĐHQGHN và dự án có nhiều đơn vị thụ hưởng.

2.2.2. Tùy từng dự án, Giám đốc ĐHQGHN có thể ủy quyền cho đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án đáp ứng đồng thời các nội dung sau đây:

a) Tổng vốn đầu tư dự án dưới 01 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư dự án được sử dụng từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị hoặc từ các nguồn do đơn vị huy động được theo quy định của pháp luật và ĐHQGHN.

2.2.3. Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C (theo tiêu chí phân loại dự án được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Luật Đầu tư công) sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sau khi được tập thể lãnh đạo ĐHQGHN (Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Giám đốc ĐHQGHN) thông qua.

2.3. Đầu mối triển khai dự án

2.3.1. Đơn vị chuyên môn được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý đầu tư công

a) Ban KH-TC là đơn vị tổng hợp danh mục tất cả các dự án đầu tư công của ĐHQGHN; quản lý vốn đầu tư công (thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm); thẩm định, theo dõi, đánh giá và thanh tra kế hoạch; kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu dự án; kiểm tra hiệu quả sau đầu tư các dự án đầu tư công; bàn giao và quyết toán dự án đầu tư công.

b) Ban Xây dựng thẩm định các dự án gồm: (i) Dự án đầu tư xây dựng và (ii) Dự án hỗn hợp gồm 02 cấu phần mà trong đó cấu phần xây dựng chiếm tỷ trọng lớn hơn cấu phần còn lại; quản lý các nội dung về quy hoạch xây dựng thuộc dự án đầu tư công của ĐHQGHN; thẩm định chủ trương đầu tư; thẩm định kế hoạch, dự án đầu tư công các nội dung liên quan đến xây dựng theo Quyết định số 2240/QĐ-ĐHQGHN ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trong ĐHQGHN.

c) Ban KH-CN là đầu mối tổng hợp dự án đầu tư công về KH&CN của ĐHQGHN; thẩm định chủ trương đầu tư; thẩm định dự án đầu tư gồm: (i) Dự án đầu tư mua sắm thiết bị và (ii) Dự án hỗn hợp gồm 02 cấu phần mà trong đó cấu phần đầu tư mua sắm thiết bị chiếm tỷ trọng lớn hơn cấu phần còn lại; quản lý các nội dung về quy hoạch dự án KH&CN thuộc dự án đầu tư công của ĐHQGHN; thẩm định, theo dõi và đánh giá các nội dung liên quan đến trang thiết bị KH&CN; theo dõi và đánh giá, kiểm tra hiệu quả sau đầu tư các dự án đầu tư công về KH&CN.

d) Văn phòng là đầu mối tổng hợp và quản lý dự án đầu tư công về ứng dụng CNTT; thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư (không bao gồm các dự án mà ĐHQGHN giao cho Văn phòng làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện) gồm: (i) Dự án đầu tư ứng dụng CNTT và (ii) Dự án hỗn hợp gồm 02 cấu phần mà trong đó cấu phần đầu tư ứng dụng CNTT chiếm tỷ trọng lớn hơn cấu phần còn lại; quản lý các nội

dung về quy hoạch ứng dụng CNTT thuộc dự án đầu tư công của ĐHQGHN; thẩm định, theo dõi và đánh giá các nội dung liên quan đến đầu tư ứng dụng CNTT; theo dõi và đánh giá, kiểm tra hiệu quả sau đầu tư các dự án đầu tư công về ứng dụng CNTT.

đ) Đối với các dự án hỗn hợp gồm 03 cấu phần trở lên và các dự án đầu tư khác không thuộc danh mục dự án do Ban Xây dựng, Ban KH-CN, Văn phòng làm đầu mối: Ban KH-TC có trách nhiệm làm đầu mối thẩm định các hoạt động của dự án đầu tư công.

2.3.2. Đối với đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Căn cứ Hướng dẫn này và các quy định hiện hành của pháp luật, đơn vị triển khai thực hiện dự án bảo đảm hiệu quả; báo cáo ĐHQGHN quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định.

2.4. Ban điều hành dự án ở đơn vị (nếu có)

2.4.1. Đối với các dự án do Ban Quản lý các dự án (QLCDA) làm chủ đầu tư, trong trường hợp cần thiết Ban QLCDA có thể phối hợp với các ban chức năng và người đứng đầu đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN đề xuất Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập ban điều hành dự án.

2.4.2. Trường hợp đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư, tùy theo quy mô dự án, đơn vị có thể thành lập ban điều hành dự án. Các đơn vị phối hợp với Ban QLCDA đề ra quyết định thành lập ban điều hành dự án của đơn vị. Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của ban điều hành dự án ở đơn vị gồm trưởng ban, các phó trưởng ban, các bộ phận có liên quan (KH-CN, đào tạo, quản trị, tài chính - kế toán...).

2.5. Chức năng, nhiệm vụ của ban điều hành dự án

2.5.1. Ban điều hành dự án ở đơn vị trực tiếp thực hiện các khoản, mục của dự án theo quy định của Nhà nước và ĐHQGHN.

2.5.2. Nhiệm vụ và cơ chế phối hợp của các thành viên chủ chốt trong hợp đồng bàn giao dự án và trong ban điều hành dự án phải được phân công rõ bằng văn bản phù hợp với mục tiêu sản phẩm, nội dung cụ thể của từng dự án.

Phần III

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ BÁO CÁO CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

3.1. Lập kế hoạch đầu tư công

3.1.1. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban KH-TC làm đầu mối trình Giám đốc ĐHQGHN thành lập ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của ĐHQGHN.

3.1.2. Ban chỉ đạo có trách nhiệm làm việc với tập thể lãnh đạo của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN để xác định mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng kế hoạch phát triển của đơn vị trong 05 năm tiếp theo.

3.1.3. Ban chỉ đạo có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định và đề xuất danh mục các dự án đầu tư công trung hạn của ĐHQGHN; báo cáo tập thể lãnh đạo ĐHQGHN phê duyệt chủ trương về danh mục các dự án đầu tư công.

3.1.4. Ban KH-TC làm đầu mối hoàn thiện danh mục các dự án đầu tư công trung hạn của ĐHQGHN, trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét, phê duyệt để có cơ sở báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của Nhà nước và ĐHQGHN.

3.2. Phê duyệt kế hoạch đầu tư

3.2.1. Hằng năm, các đơn vị đầu mối quản lý dự án báo cáo ĐHQGHN (qua Ban KH-TC) về đề xuất chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu cần), đề xuất bổ sung các dự án.

3.2.2. Căn cứ vào danh mục và mức vốn bố trí cho các dự án của ĐHQGHN được phê duyệt, Ban KH-TC làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án trung hạn, hằng năm; kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; thẩm định nguồn vốn đầu tư.

3.2.3. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị, báo cáo rà soát của Ban KH-TC, tập thể lãnh đạo ĐHQGHN xem xét, phê duyệt chủ trương và giao Giám đốc ĐHQGHN báo cáo các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Nhà nước.

3.3. Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư công được giao và đề xuất dự án được phê duyệt (nếu có), ĐHQGHN giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho đơn vị như sau: (i) Đối với dự án nhóm A trở lên: Giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; (ii) Đối với dự án nhóm B và nhóm C: Giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Cụ thể:

3.3.1. Giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư công và bố trí vốn thực hiện đầu tư dự án/gói thầu (văn bản xác định nguồn vốn); kết luận của tập thể lãnh đạo ĐHQGHN về dự án, Giám đốc ĐHQGHN giao nhiệm vụ cho đơn vị chủ đầu tư (hoặc đơn vị chủ dự án) lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

3.3.2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Chủ đầu tư phối hợp với Văn phòng, các ban chức năng, đơn vị thụ hưởng xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo hướng dẫn tại Điều 31 Luật Đầu tư công.

3.3.3. Trình thẩm định chủ trương đầu tư dự án

a) Chủ đầu tư lập hồ sơ trình ĐHQGHN thẩm định chủ trương đầu tư, gồm:

- Tờ trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Tài liệu khác có liên quan.

b) Thẩm định chủ trương đầu tư

- Căn cứ quy mô, phạm vi và mức độ phức tạp của từng dự án, ĐHQGHN quyết định thẩm định theo một trong hai phương thức sau: (i) Giao cho Văn phòng hoặc các ban chức năng có liên quan thẩm định theo quy định (gọi chung là cơ quan chủ trì thẩm định); (ii) Thành lập hội đồng thẩm định (nếu dự án có mức độ phức tạp cao).

- Cơ quan chủ trì thẩm định hoặc hội đồng thẩm định thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo khoản 6, Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công - Nghị định số 40/2020/NĐ-CP). Nội dung thực hiện như sau:

+ Lấy ý kiến thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo khoản 5, Điều 9 Nghị định 40/2020/NĐ-CP.

+ Tổ chức thẩm định các nội dung theo khoản 4, Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP gồm: (i) Sự cần thiết đầu tư; (ii) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định; (iii) Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; (iv) Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án theo quy định của Luật Đầu tư công; (v) Mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay, dự kiến bố trí vốn; (vi) Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

+ Lập báo cáo kết quả thẩm định và gửi các cơ quan liên quan (nếu có) theo quy định tại khoản 8, Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư căn cứ kết quả thẩm định để hoàn thiện hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư.

3.3.4. Trình quyết định chủ trương đầu tư

a) Sau khi báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được hoàn thiện theo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc hội đồng thẩm định, chủ đầu tư lập hồ sơ trình ĐHQGHN gồm: (i) Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư; (ii) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đã hoàn thiện theo ý kiến thẩm định); (iii) Báo cáo thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc hội đồng thẩm định; (iv) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án trong giai đoạn trước (đối với dự án từ giai đoạn trước chuyển sang); (v) Tài liệu khác có liên quan (minh chứng).

- Đối với dự án nhóm B: Trình tập thể lãnh đạo ĐHQGHN, Đảng ủy ĐHQGHN và Hội đồng ĐHQGHN thông qua trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.

- Đối với dự án nhóm C: Trình tập thể lãnh đạo ĐHQGHN thông qua trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.

b) Quyết định chủ trương đầu tư

- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền nêu tại điểm a Mục này, ĐHQGHN ban hành quyết định chủ trương đầu tư.

- Nếu dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định chủ trương đầu tư, ĐHQGHN gửi quyết định chủ trương đầu tư này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

3.3.5. Đối với dự án đầu tư ứng dụng CNTT: Ngoài việc thực hiện các bước tại Mục 3.3.1, 3.3.2, 3.3.3, 3.3.4; đồng thời triển khai các bước theo quy định tại Điều 10, 11, 12 và 13 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Nghị định số 73/2019/NĐ-CP).

3.4. Điều chỉnh chủ trương đầu tư

3.4.1. Các trường hợp điều chỉnh

a) Đối với dự án chưa được quyết định đầu tư: Thực hiện theo khoản 1, Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

b) Đối với dự án đã quyết định đầu tư: Thực hiện theo khoản 2, Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

3.4.2. Nội dung thực hiện đối với dự án nhóm B, nhóm C

a) Trình tự, thủ tục thực hiện: Theo điểm d, khoản 2, Điều 34 Luật Đầu tư công.

b) Hồ sơ trình điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Nội dung hồ sơ theo khoản 3, Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ theo khoản 4, Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

c) Thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư: Thực hiện theo điểm c, khoản 5, Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Phần IV

TRÌNH TỰ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

4.1. Lập dự án

Việc lập dự án được thực hiện theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Cụ thể:

4.1.1. Lập dự án theo nhu cầu đề xuất của đơn vị sử dụng và kế hoạch chiến lược phát triển của ĐHQGHN theo từng giai đoạn.

4.1.2. Đơn vị đầu mối triển khai dự án tổ chức thẩm định dự án và trình phê duyệt theo quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

4.1.3. Phê duyệt dự án.

4.2. Triển khai dự án

Việc triển dự án được thực hiện theo Mục 1, Chương IV Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và Mục 2 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Cụ thể:

4.2.1. Thực hiện việc khảo sát bổ sung (nếu cần thiết).

4.2.2. Thỏa thuận sử dụng tần số, tài nguyên số quốc gia (nếu yêu cầu phải có thỏa thuận về sử dụng tần số, tài nguyên số theo quy định của pháp luật có liên quan).

4.2.3. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế chi tiết, trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

4.2.4. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu.

4.2.5. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4.2.6. Tổ chức lựa chọn nhà thầu (lựa chọn các nhà thầu xây lắp, cung cấp thiết bị, giám sát thi công, giám sát lắp đặt thiết bị; nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng và các công việc khác liên quan khác); ký hợp đồng với các nhà thầu.

4.2.7. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (gia hạn hợp đồng, điều chỉnh model, hãng sản xuất, xuất xứ, thông số kỹ thuật trang thiết bị...).

4.2.8. Quản lý thực hiện dự án.

4.2.9. Kiểm thử hoặc vận hành thử.

4.2.10. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, hạng mục công việc, tài sản hình thành sau dự án cho đơn vị thụ hưởng.

4.2.11. Đào tạo hướng dẫn sử dụng, triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành và khai thác.

4.2.12. Thanh lý hợp đồng/thanh toán cho các nhà thầu.

4.2.13. Lập hồ sơ hoàn thành, lưu trữ hồ sơ của dự án theo quy định.

4.3. Thẩm định thiết kế cơ sở dự án

Việc thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư ứng dụng CNTT được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

4.4. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia thực hiện dự án

4.4.1. Chủ đầu tư dự án: Thực hiện các bước tại Mục 4.1.1, 4.2.1, 4.2.2, 4.2.3, 4.2.4, 4.2.5, 4.2.6, 4.2.7, 4.2.8, 4.2.9, 4.2.10, 4.2.11, 4.2.12, 4.2.13.

4.4.2. ĐHQGHN, Văn phòng và các ban chức năng thực hiện các bước tại Mục 4.1.2, 4.1.3; phối hợp thực hiện các bước tại Mục 4.2.1, 4.2.2, 4.2.4 và chỉ đạo triển khai các vấn đề phát sinh tại Mục 4.2.7, 4.2.8, 4.2.9, 4.2.10, 4.2.11, 4.2.12, 4.2.13 (nếu cần thiết).

4.4.3. Đơn vị thụ hưởng tham gia thực hiện các bước tại Mục 4.1.1, 4.2.1, 4.2.2, 4.2.9, 4.2.10, 4.2.11, 4.2.12, 4.2.13.

4.4.4. Ban KH-TC làm đầu mối tham mưu, đề xuất Giám đốc ĐHQGHN thành lập Tổ kiểm tra, giám sát để thực hiện hoạt động theo dõi và kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu do các Ban quản lý dự án thuộc ĐHQGHN làm chủ đầu tư theo đúng quy định, có báo cáo thẩm định, công nhận kết quả trước khi chủ đầu tư ký kết và triển khai hợp đồng.

Trình tự, thủ tục triển khai dự án/gói thầu tuân thủ quy định, hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện.

4.5. Các biểu mẫu áp dụng đối với các dự án đầu tư tăng cường năng lực, mua sắm trang thiết bị và dự án đầu tư chiều sâu, đầu tư phát triển

Mẫu tờ trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư công; báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư công; nghị quyết, quyết định về chủ trương đầu tư dự án được áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện.

Phần V

TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÁC

5.1. Lập dự án và thẩm định dự án

Việc lập dự án được thực hiện theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

5.1.1. Lập dự án theo nhu cầu đề xuất của đơn vị sử dụng và kế hoạch chiến lược phát triển của ĐHQGHN theo từng giai đoạn.

5.1.2. Đơn vị đầu mối triển khai dự án tổ chức thẩm định dự án và trình phê duyệt theo quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

5.1.3. Phê duyệt dự án.

5.2. Triển khai dự án

Việc triển khai dự án được thực hiện theo Mục 1, Chương IV Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

5.2.1. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu.

5.2.2. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

5.2.3. Tổ chức lựa chọn nhà thầu (lựa chọn các nhà thầu xây lắp, cung cấp thiết bị, giám sát thi công, giám sát lắp đặt thiết bị; nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng và các công việc khác liên quan khác); ký hợp đồng với các nhà thầu.

5.2.4. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (gia hạn hợp đồng, điều chỉnh model, hăng sản xuất, xuất xứ, thông số kỹ thuật trang thiết bị...).

5.2.5. Nghiệm thu, bàn giao tài sản hình thành sau dự án cho đơn vị thụ hưởng.

5.2.6. Thanh lý hợp đồng/thanh toán cho các nhà thầu.

5.2.7. Lập hồ sơ hoàn thành, lưu trữ hồ sơ của dự án theo quy định.

5.3. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia thực hiện dự án

5.3.1. Chủ đầu tư dự án: Thực hiện các bước tại Mục 5.1.1, 5.2.1, 5.2.2, 5.2.3, 5.2.4, 5.2.5, 5.2.6, 5.2.7.

5.3.2. ĐHQGHN, Văn phòng và các ban chức năng thực hiện các bước tại Mục 5.1.2, 5.1.3; phối hợp thực hiện các bước tại Mục 5.2.1, 5.2.2, 5.2.4 và chỉ đạo triển khai các vấn đề phát sinh tại Mục 5.2.5, 5.2.6 (nếu cần thiết).

5.3.3. Đơn vị thụ hưởng tham gia thực hiện các bước tại Mục 5.1.1, 5.2.5, 5.2.6, 5.2.7.

5.3.4. Ban KH-TC làm đầu mối tham mưu, đề xuất Giám đốc ĐHQGHN thành lập Tổ kiểm tra, giám sát để thực hiện hoạt động theo dõi và kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu do các Ban quản lý dự án thuộc ĐHQGHN làm chủ đầu tư theo đúng quy định, có báo cáo thẩm định, công nhận kết quả trước khi chủ đầu tư ký kết và triển khai hợp đồng.

Trình tự, thủ tục triển khai dự án/gói thầu tuân thủ quy định, hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện.

5.4. Các biểu mẫu áp dụng đối với các dự án đầu tư tăng cường năng lực, mua sắm trang thiết bị và dự án đầu tư chiều sâu, đầu tư phát triển

Mẫu tờ trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư công; báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư công; nghị quyết, quyết định về chủ trương đầu tư dự án được áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện.

Phần VI

KẾT THÚC ĐẦU TƯ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

6.1. Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành

Việc quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Điều 32, 33 và 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Cụ thể:

6.1.1. Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định. Thành phần hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập.

b) Báo cáo quyết toán.

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A - B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A - B); hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính).

e) Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

g) Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

6.1.2. Thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán hoàn thành

a) Ban KH-TC chủ trì lựa chọn và phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập để triển khai công tác kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các hạng mục *gói thầu theo từng giai đoạn dự án*.

b) Chủ đầu tư điều chỉnh (nếu có) theo ý kiến cơ quan thẩm tra, thẩm định.

c) ĐHQGHN phê duyệt báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành và quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Đối với dự án nhóm B: Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với dự án nhóm C: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.2. Giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án

6.2.1. Yêu cầu và nội dung giám sát, đánh giá đầu tư gồm:

a) Tiến độ thực hiện kế hoạch của dự án, cụ thể:

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án.

- Tiến độ thực hiện các biện pháp tổ chức thực hiện dự án.

- Tiến độ và quy trình giải ngân.

b) Giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc chấp hành các quy định của Nhà nước về đầu tư và mua sắm trang thiết bị.

c) Qua giám sát, đánh giá đầu tư, phát hiện các nội dung phát sinh và nguyên nhân để điều chỉnh và đề xuất, kiến nghị với ĐHQGHN chấn chỉnh, xử lý bảo đảm tính hiệu quả, tính khả thi của dự án. Trong quá trình triển khai, đối với những vấn đề phát sinh phức tạp cần báo cáo kịp thời để tập thể lãnh đạo ĐHQGHN cho ý kiến chỉ đạo.

d) Trách nhiệm của ĐHQGHN, các đơn vị tham gia dự án trong việc thực hiện triển khai các nhiệm vụ của dự án.

đ) Các nội dung khác.

6.2.2. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án

a) ĐHQGHN hoặc người được uỷ quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư. Một số dự án theo yêu cầu phải gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Ban QLCTDA là đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá dự án với các chức năng được quy định trong Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban QLCTDA do Giám đốc ĐHQGHN ban hành.

c) Văn phòng và các ban chức năng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, sản phẩm của dự án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

d) Các đơn vị thực hiện và thụ hưởng dự án có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện theo yêu cầu của Ban QLCDA, đồng thời cập nhật báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ theo quy định tại Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

6.3. Xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

6.3.1. Xử lý vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư

a) Đối với các dự án mà chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thì Ban KH-TC phối hợp với Văn phòng và các ban chức năng có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền và kiến nghị các hình thức xử lý phù hợp.

b) Các dự án không thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư 02 kỳ liên hoặc 03 kỳ trở lên trong năm trước sẽ không được ghi vốn kế hoạch năm sau.

c) Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thường kỳ theo quy định.

6.3.2. Xử lý các vi phạm về quản lý đầu tư trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư

a) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo kịp thời các cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định; đồng thời tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm, xử lý vi phạm (nếu có) đối với tập thể, cá nhân có liên quan.

b) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cố tình che giấu các trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư sẽ chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về các sai phạm và hậu quả gây ra.

6.4. Tổng kết và triển khai áp dụng, phát triển dự án

6.4.1. Báo cáo tổng kết

Báo cáo tổng kết thực hiện dự án gồm toàn bộ tình hình thực hiện dự án, sản phẩm, hiệu quả và tác động của dự án, đánh giá mức độ đạt các chỉ tiêu của dự án, đề xuất hướng phát triển nhiệm vụ tiếp theo, các giải pháp và điều kiện duy trì các hoạt động dự án sau giai đoạn đầu tư.

6.4.2. Đánh giá điều kiện triển khai áp dụng dự án

a) Tổng hợp, giới thiệu sản phẩm của dự án.

b) Khả năng tìm kiếm các đối tác, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thể sử dụng sản phẩm dự án.

c) Khả năng chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chuyển giao sản phẩm dự án cho các đối tác.

d) Khả năng chuẩn bị các nguồn lực để duy trì kết quả của dự án.

đ) Khả năng đóng góp tài chính để phát triển dự án tiếp theo.

e) Năng lực quản lý, bảo đảm duy trì và phát triển kết quả dự án.

6.4.3. Đánh giá nguồn lực xây dựng và phát triển các dự án tiếp theo

Đơn vị thực hiện và đơn vị thụ hưởng dự án phối hợp với Ban QLCCA có trách nhiệm tìm nguồn, xây dựng các dự án mới. ĐHQGHN sẽ xem xét và quyết định phát triển dự án phù hợp với chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn 05 năm của ĐHQGHN và các yêu cầu cần thiết khác.

6.4.4. Tổ chức tổng kết dự án, chuyển giao và khai thác sử dụng

a) Đơn vị thực hiện dự án có trách nhiệm lập báo cáo và tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện dự án, đánh giá khả năng phát triển dự án. Ban QLCCA có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc tổng kết thực hiện dự án.

b) Văn phòng và các ban chức năng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị theo dõi đánh giá tổng kết các nội dung, sản phẩm của dự án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình và gửi cho Ban QLCCA để tổng hợp thành báo cáo đánh giá chung. Chủ đầu tư bàn giao kết quả, sản phẩm, báo cáo tổng kết cùng toàn bộ tài liệu liên quan đến dự án ở dạng bản in và bản điện tử, đồng thời chuyển giao cho đơn vị đưa vào khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật.

Phần VII

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

7.1. Trách nhiệm thực hiện

7.1.1. Người đứng đầu đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và đôn đốc thực hiện các dự án theo Hướng dẫn này.

7.1.2. Ban QLCCA, Văn phòng và các ban chức năng có trách nhiệm phối hợp và hướng dẫn các đơn vị thực hiện chủ trương, kết luận, quy định của ĐHQGHN.

7.2. Hiệu lực thi hành

7.2.1. Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 4633/HD-ĐHQGHN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN về xây dựng và thực hiện dự án đầu tư ở ĐHQGHN; Công văn số 1339/ĐHQGHN-TCCB ngày 24 tháng 4 năm 2017 của ĐHQGHN về hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai thực hiện dự án đầu tư ở ĐHQGHN và các quy định, hướng dẫn khác trước đây có nội dung trái với Hướng dẫn này.

7.2.2. Dự án đầu tư đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật thì được tiếp tục thực hiện theo quy định. Các trường hợp khác,

trong quá trình triển khai ĐHQGHN xem xét, quyết định cụ thể. Các thủ tục tiếp theo của dự án, thực hiện theo Hướng dẫn này.

7.2.3. Đối với từng dự án cụ thể, ngoài thực hiện theo các quy định tại Hướng dẫn này, còn áp dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp thấy có sự khác biệt thì áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật chuyên ngành.

7.2.4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời đề xuất về Ban Tổ chức Cán bộ để tổng hợp, báo cáo Giám đốc ĐHQGHN sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn này cho phù hợp với thực tế./.